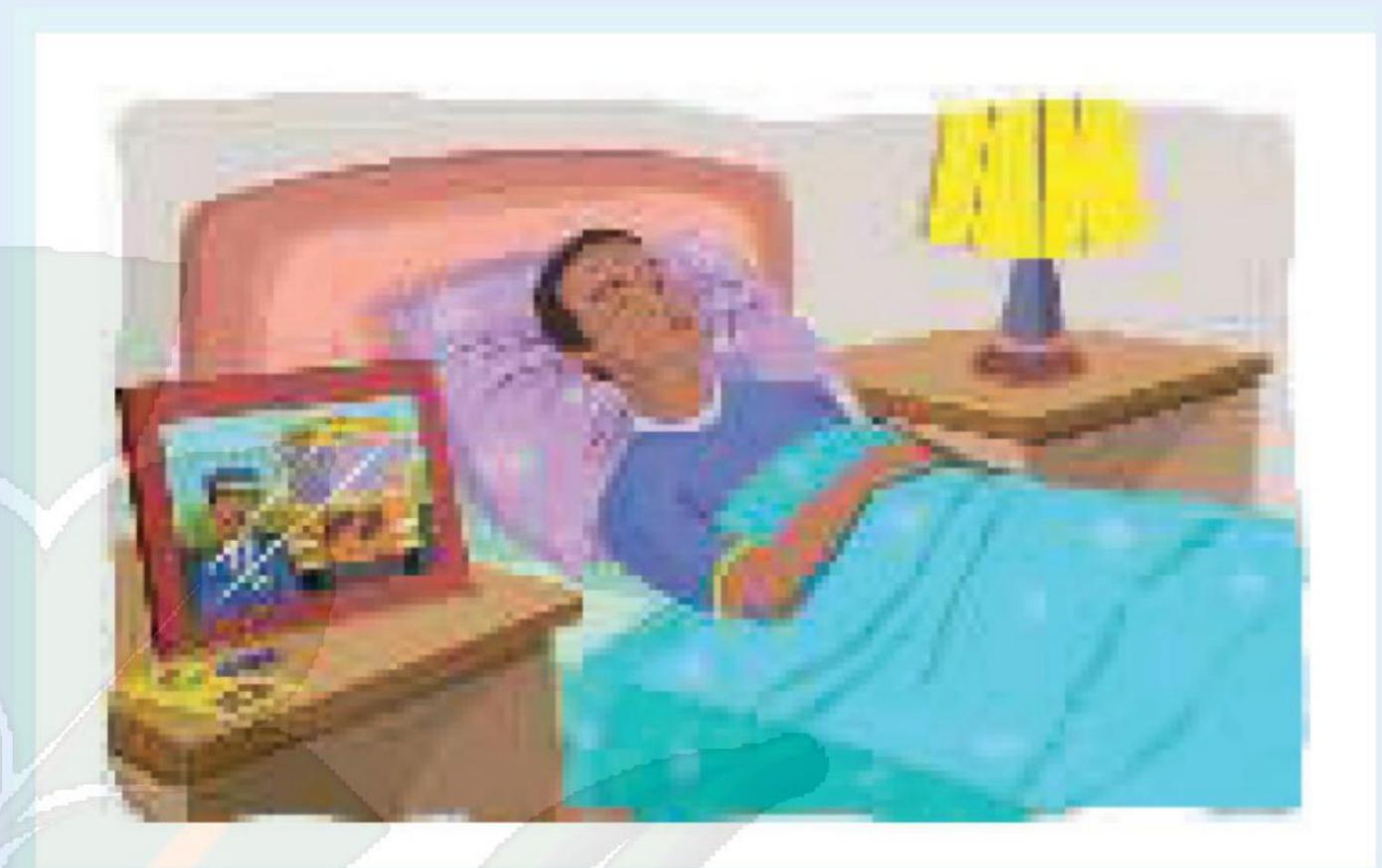


#### A

## CÔNG DỤNG VÀ CẤU TRÚC

Chúng ta sử dụng Thì hiện tại đơn (simple present) để diễn tả một việc gì đó:

- luôn xảy ra, hoặc
  Nurses look after patients in hospitals.
- lặp đi lặp lại nhiều lần, hoặc
   I usually go away at weekends
   The cafe opens at 7.30 in the morning.
- luôn luôn đúng
   The earth goes round the sun.



Alex is a bus driver, but now he is in bed asleep. He is not driving a bus. (He is asleep.)

but He drives a bus. He is a bus driver.

drive(s), work(s), do(es) etc. is the present simple



### CÔNG DỤNG VÀ CẦU TRÚC

#### CẤU TRÚC HÌNH THÀNH

1. Thể khẳng định:

```
I / we like 1<sup>st</sup> person

You like 2<sup>nd</sup> person

He / she / it likes 3<sup>rd</sup> person – singular

They like 3<sup>rd</sup> person – plural
```

2. Thể phủ định – mượn trợ động từ "to do"

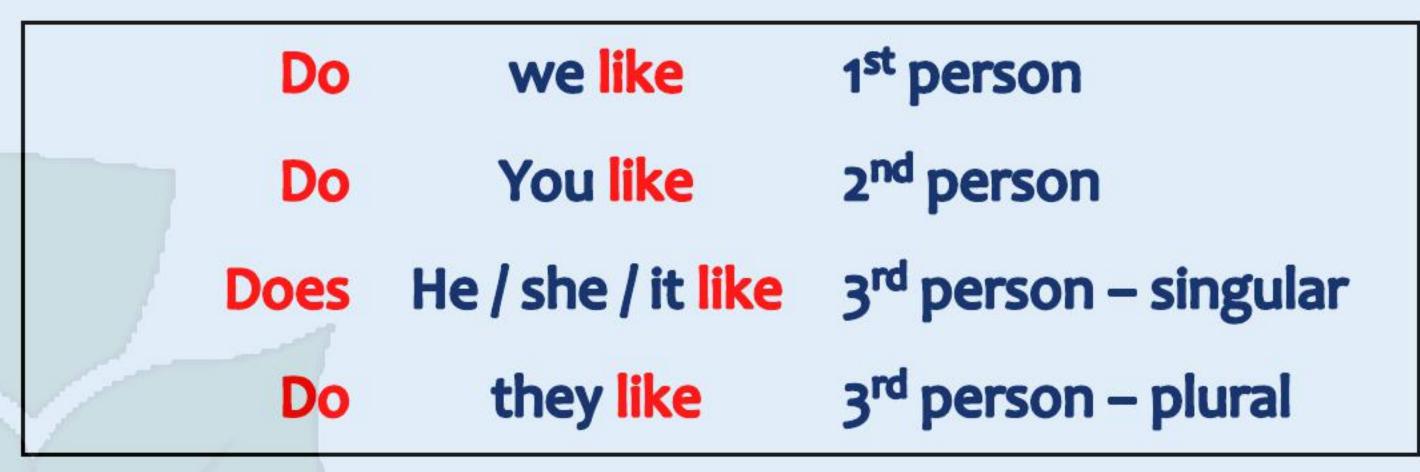
```
I / we don't like = do not

You don't like = do not

He / she / it doesn't like = does not

They don't like = do not
```

3. Thể nghi vấn - mượn trợ động từ "to do"



- EX1: I come from Canada. Where **do** you **come** from?
- EX2: I don't go away very often.
- EX3: What **does** this word **mean**? (not What means this word?)
- EX4: Rice doesn't grow in cold climates.

In the following examples, do is also the main verb (do you do / doesn't do etc.):

- EX5: "What do you do?" "I work in a shop."
- EX6: He's always so lazy. He doesn't do anything to help.

#### 1900



### CÔNG DỤNG VÀ CẤU TRÚC

Chúng ta dùng thì hiện tại thường để diễn ta mức độ thường xuyên (tần suất) của một việc gì đó.

#### Ví dụ:

- EX7: I get up at 8 o'clock every morning.
- EX8: How often do you go to the dentist?
- EX9: Julie doesn't drink tea very often.
- EX10: Robert usually goes away two or three times a year.

### I promise / I apologize

Sometimes we do things by saying something.

For example, when you promise to do something, you can say 'I promise ... '

when you suggest something, you can say 'I suggest ... '

- EX9: I promise I won't be late. (not I'm promising)
- EX10: 'What do you suggest I do?'
- EX11: 'I suggest that you ...'

In the same way we say: I apologise ... | I advise ... | I insist ... | I agree ... | I refuse ... etc.



## CÔNG DỤNG VÀ CẤU TRÚC

#### CẤU TRÚC HÌNH THÀNH

Cách thêm -s hoặc -es vào cuối động từ khi chia động từ ở ngôi thứ ba số ít

1. Quy tắc chung: trong phần lớn trường hợp, chúng ta chỉ đơn giản thêm –s vào cuối động từ He works as a driver.

Sam loves reading books at weekends.

2. Thêm -es vào các động từ có âm gió ở âm tiết cuối, cụ thể các từ tận cùng bằng -s /-ss /-sh /-ch /-x

match → matches
miss → misses
wash → washes

 Những từ tận cùng bằng phụ âm + y → đổi y thành I rồi thêm es

Try → tries
Hurry → hurries
Apply → applies

4. Trường hợp đặc biệt:



### THỰC HÀNH NHANH

- I always \_\_\_\_ a salad for lunch.
- A. am eating
- B. eating
- C. eats
- (D.) eat



#### TÓM TẮT

- \*Thì hiện tại đơn (simple present) diễn tả một hành động luôn luôn hoặc thường xảy ra một cách thường xuyên, một số việc lặp đi lặp lại, hoặc một sự thật luôn luôn đúng.
- ❖ Thì hiện tại đơn được chia ở dạng động từ nguyên mẫu không to với các ngôi, trừ ngôi thứ ba số ít phải thêm −s hoặc −es vào cuối động từ.
- ❖Để lập câu phủ định hoặc nghi vấn ở thì hiện tại đơn, chúng ta mượn trợ động từ do / does \_\_\_\_\_\_